

TÍNH CHẤT GIAO THỜI CỦA LỜI NÓI VĂN CHƯƠNG trong sáng tác Tản Đà.

LÊ CHÍ DŨNG

Trong văn học Việt Nam thời kỳ Trung đại—thế kỷ X—XIX—ngôn ngữ văn chương mang tính ước lệ rất cao, trọng thực nhưng trang nhã. Người thường thức thơ phú thời ấy thích *đọc to lên ngâm nga* để tận hưởng giai điệu của ngôn ngữ văn chương. Và lại, cảm thụ thơ phú là tìm *cái tình* ở trong ấy, hơn là nhận thức sự của cuộc sống—xã hội. Thơ đã chiếm vị trí ưu thắng là vì vậy. Trong điều kiện đó và để đáp ứng tâm lý ưa nói *văn vẻ*, ưa sự *đang đối* của thành, ý ở người nghe, câu văn xuôi phải là *văn biên ngẫu có đối, có đoạn, có tình nhẹ*, rất gần với thơ. Về sắc thái ngữ nghĩa, khi đề cập đến những vấn đề *nghe nghiêm chỉnh trong đại*, các thi nhân theo quan niệm *chính thống* thường dùng lời nói văn chương Hán—Việt; còn khi viết về những gì *đùa cợt, thấp kém, bình thường*, họ sử dụng lời nói văn chương Nôm.

Ở các thế kỷ cuối thời kỳ Trung đại—cuối thế kỷ XVII, thế kỷ XVIII, XIX—lời nói văn chương Nôm từng bước *quyền bình đẳng* với lời nói văn chương Hán—Việt, câu văn xuôi Hán—Việt ngày càng có vị trí đáng kể trong văn học nước nhà. Cuộc đụng độ Âu—Á bắt đầu từ giữa thế kỷ XIX đã đẩy mạnh quá trình đó của văn học.

Ở những năm cuối thế kỷ trước và những thập kỷ đầu của thế kỷ này trong văn học Việt Nam xuất hiện *giếu câu phân hồn triết để* lời nói văn chương thơ và lời nói văn chương *văn xuôi*.

Chính vào thời điểm ấy Tản Đà đến với văn học nước nhà.

Ông đã khởi xướng và viết trên *Ấn Nam tạp chí* các mục *Việt Nam nhị thập thế kỷ—xã hội ba đào kỳ*, *Việt Nam nhị thập thế kỷ—xã hội thiên đàm*, là tác giả của những tiểu thuyết *Giấc mộng con I*, *Giấc mộng con II*, của hồi ký tự truyện *Giấc mộng lớn*, của những truyện ngắn *Thần tiên*, *Thế non nước*, của những bài luận (buyết, hải văn... Lâm như vậy, Tản Đà muốn thể hiện quan niệm coi văn xuôi là « văn vị đời », rằng văn chương phải lĩnh trách nhiệm giúp người nơi này biết được những sự việc xảy ra ở nơi kia và ngược lại; giúp người ngày này biết được những điều trong quá khứ. Cố gắng nhận thức hiện thực cuộc sống—xã hội, ông đã nỗ lực rèn dũa *câu văn xuôi tiếng Việt*. Nhưng câu văn xuôi của Tản Đà như thế nào? Hãy đọc một số câu văn xuôi của ông:

1. « Trong đời người sáu, bảy mươi năm, bao nhiêu cảnh thuận, bao nhiêu cảnh nghịch, bao nhiêu cái sướng, bao nhiêu cái buồn, bao nhiêu lúc cười, bao nhiêu lúc khóc; nhưng ngồi mà nghĩ, chỉ như canh bạc chơi một đêm » (*Đánh bạc*)

2. « Có khi nhờ cảnh giang hồ, vườn hồng thắm lối, thời hoa đào nếm nọ còn tươi, cảnh xuân đã bể cho người đầu xa » (1) (Kỷ niệm hải hoa đào).

Câu văn xuôi Tần Đà độc đáo, không lẫn với câu văn xuôi của những người đương thời. Nhưng nó vẫn giữ được sự đáng đời và thanh. Thơ chen vào văn xuôi làm tăng thêm tính nhạc. Tần Đà tồn trong lối nói « vòng vo tam quốc » của người phương Đông.

Thời vận khác xưa và những gì Tần Đà thích thú trong văn học phương Tây và văn học Trung Quốc lúc ấy—tình yêu say đắm và không thành, sự phiêu lưu mạo hiểm, sự tử thực—mà ông được nghe giảng ở trường Qui thú, được đọc trên sách báo, khiến cho nhà thơ ra phố phường « nếm nọ phá nghiệm kiếm ăn xoàng » này có thiện cảm và làm theo cái mới lạ. Nhưng Tần Đà chỉ lấy ra những gì trong vốn liếng xưa cũ của ông, như tình yêu hoa hoa phong nhã của nhà nho tài tử, tình yêu mộng manh của những học trò nghe với những cô gái ma quái, hồ ly; tình yêu của các chàng trai, cô gái trong ca dao, dân ca; sự ngóng trông và thú giang hồ kiểu Lý Bạch; Sự thương cảm đối với những số phận bèo bọt kiểu Đỗ Phủ, Bạch Cư Dị; lương tâm, lương tri, lương năng của thành hiền; sự ăn chơi kiểu xóm bình kháng...—những cái mà Nguyễn Khắc Hiếu đã nếm trải bằng tâm hồn hoặc bằng thân xác,—đề thích ứng với cái mới lạ đó, cái mới lạ mà ông làm lẫn với cái xưa cũ trong bản thân ông.

Hãy đọc những câu văn xuôi của Tần Đà viết về phiêu lưu mạo hiểm:

1. « Đi bách bộ trở lại, đứng mà trông lên trời một con chim đầu hầu lượn ở trên tầng cao, không biết là đi đâu, càng trông theo càng thấy nhỏ! Trông theo đi o đến lúc hết sức mắt trời chỉ thấy con chim đó càng nhỏ tí mà như đi tít vào mây xanh. Nghĩ cho con người ta có cái thân ở đời mà nếu không làm nên sự nghiệp gì, thì nhất là làm con trai An-Nam đương buổi đời này, như vẫn có một sự nghiệp rất vĩ đại để dành cho, mà nếu chỉ lờ lững ở dưới bóng tà đương hay chen vai nhau ở trong cái xe điện, thôi chẳng thấy được như con đầu hầu đó, đem cái thân mà làm bạn với trời xanh » (Giấc mộng con I).

2. « Đường ngoài ga Hàng Cỏ, từ mờ sáng có một người hành khách sắp bỏ đường xa, đồ hành trang trong một cái va-li... »

(Giấc mộng con I)

Người đọc thấy phảng phất trong những câu văn (trên) cái chi tang hồng hồ thi của trang nam nhi phương Đông xưa, cái thú « đi cho biết mặt sơn hà », cái vui « bầu rượu túi đàn » của người lãng tử—thì nhân của cái cũng được Tần Đà quện vào những sự kiện, sự vật thời ông, chứ không cảm nhận được trạng thái tư tưởng phiêu lưu mạo hiểm, cái tạo thiên nhiên, lập sự nghiệp lớn được mô tả trong tiền thuyết của nhà văn Anh Daniel de Foe *Robinson Crusse* quen thuộc với độc giả đương thời.

Trong truyện ngắn *Thê non nước* Tần Đà mô tả mỗi tình không ràng buộc giữa khách và cô gái nghèo xóm bình kháng Văn Anh. Ở *Giấc mộng con* ông thể hiện những tình cảm như tình yêu của Chu Kiêu Oanh ở Pháp với Nguyễn

(1) Chúng tôi gạch dưới.

Khắc Hiếu đã có *ư tại quê nhà*. Họ đi thu hương rồi thú khâm ngày gặp nhau nói chuyện nửa giờ. Sau rồi liền liền từ biệt với lời nói giờ sáng sẽ đi rồi « bằng các năm thì ra, mỗi đến tổ khố sẽ có tôi ra gặp mà đi đàng về vườn hoa cái hồi đó của chúng cuộc học hỏi. Trong làng các ông ở gần chợ là vậy. Nguyễn Khắc Hiếu đã cố trình bày được sự lập luận của ông với đàng họ, những về của Chu Kiều Oanh, về họ đã có sự hòa điệu để chúng ta trở nên làm nòng, điệu đẹp. Họ khâm mặt gặp nhau và Nguyễn Khắc Hiếu với đến nói, khi đến chỗ họ Chu Kiều Oanh, chúng tôi là đã quên đi một làng, vắng hàng hai người đi chơi tôi gặp sáng rồi sau mới chia tay. Các sự lệ mặt trời. Chu Kiều Oanh giấu Nguyễn Khắc Hiếu ở gác xếp sau nhà, hàng ngày mang đến đó thức ăn thức uống, rồi bố trí cho Nguyễn Khắc Hiếu sang Mỹ trong một chiếc hòm...

Trong mô tả của Tân Đà *tình yêu đã mang những nét tâm lý của thị dân — tư sản*. Nhưng cá quan hệ khách — Vân Anh, lẫn quan hệ Nguyễn Khắc Hiếu — Chu Kiều Oanh còn xa mới đạt tới quan hệ giữa các đối tình nhân trong xã hội tư sản. Trong thế giới nghệ thuật của Tân Đà tình yêu là *sự biến dạng của duyên phận* những học trò nghèo với những cô gái ma quái, hồ ly; là *sự hiện thực hóa giấc mộng* trong lãnh của ông về quan hệ giữa người với người, để chúng lại điều làm nhà thơ luôn luôn đau xót: *tài tử đồ cùng, giai nhân phận bạc, nhân sinh đảo thế*, chỉ phở chỉ vô khả nại há dĩ nhi (tài tử cùng đường, giai nhân bạc phận, con người ta đến thế, cũng đành cho là một sự tại giới — Tân Đà dịch nghĩa). Trong sáng tác của Tân Đà tình yêu chỉ đứng lại ở *câu chuyện văn chương*, thế sự, ở *chèn rượt chèn trả*, không vượt ra khỏi « *tuồng kính tương thân* » hoặc « *tình tương thân, lễ tương trọng, lý thù tương đảo* ». Trong thế giới nghệ thuật của mình Tân Đà *không chấp nhận hết những nét tâm lý thị dân — tư sản về quan hệ nam nữ*.

Còn tả thực? Hãy đọc những câu văn tả thực của Tân Đà về giọng nói, đường nét, dáng vẻ của Chu Kiều Oanh: « *Tiếng nói nhẹ bao nhiêu, dáng người mềm bấy nhiêu, mềm bao nhiêu, chín bấy nhiêu, chín bao nhiêu, tươi bấy nhiêu, tươi bao nhiêu, tình bấy nhiêu. Như ghét, như yêu, như chiều, như nguyệt. Lông mày ngài, đôi mắt phượng, cổ chớ ai? »*. Và đây Tân Đà viết về cô bạn 13 tuổi trong quá vãng: « *Lúc người bạn tôi lên cây hái hoa mà tôi đứng dưới gốc để giữ hoa, như theo ra đầu cành, thời năm ngón tay trắng muốt vịn sắt cánh, hoa đào, vừa đẹp, vừa khâu, vừa xinh, vừa hay, tưởng như tay các bà chánh nhà quê đóng thóc giồng, tay các ông đồ hay chữ đóng quyển thi, tay các ông kỹ sư ngồi cổ mà vơ xoi, tay các ông chánh quan mở trap bỏ tiền lẻ, đầu trăm nhà cần báo, nghìn nhà danh họa, không thể mà bích lung » *Kỷ niệm nữ hoa đào*).*

Vẫn là những câu văn của sự trực lệ, trung thực, gọi hơn là tả thực.

Trong văn xuôi của mình Tân Đà đã tạo dựng nhiều nhân vật, nhưng có *lời nhào nết*, lên *lạt tác giả* đều chỉ là sự *bộc lộ cá tính trữ tình* của ông.

Lần văn xuôi của Tân Đà gặp đến người đọc dường như ông ở sự thể hiện trong những tình thế của *bản thân sự vật, cụ thể — lịch sử*, ở *ở sự du động trong tầm hông*, ở *cái khoảng giữa của cũ và mới, mộng và thực*, giữa nếp và phông tưng, giữa đạt và phiêu lưu mạo hiểm, trang trọng đường bộ và dung dị trần tục, thanh cao và thấp hèn...

Câu chỉ ra rằng, trong thời gian chiến tranh XIX ở Nam Bộ pètrus Ký và Paulus đã sử dụng sự dụng và câu văn của người Pháp để *chiếm khẩu ngữ* để phục vụ việc truyền giáo, giúp cho các Kitô hữu dễ dàng tiếp cận, phổ biến chữ quốc ngữ và sử dụng quốc ngữ và chữ quốc ngữ để truyền giáo, truyền lợi; trước đây chưa thạo latin và chữ quốc ngữ, các nhà truyền giáo như Đaminh, Phan Văn Trị, Nguyễn Văn Lợi, Huỳnh Minh Đệ... đã sử dụng chữ quốc ngữ vào sáng tác của mình. Đến thế kỷ XX, dưới sự chủ trương của Hồ Chí Minh, Phan Đăng, vẫn tiếp tục công việc lý tưởng này, góp phần vào sự phát triển và hưởng lợi thế khẩu ngữ của y như thế hôm nay.

Ở Hà Nội, cho đến tận nay, vẫn còn xuất hiện một *khẩu trung* của việc tìm kiếm câu văn xưa, lấy theo tác giả Việt Đô Lang để *chiếm khẩu ngữ* của dân tộc ở trình độ cao, với tất cả những người dân, trong đó có những người bạn của nó, Hồi Áy, Hoàng Tích Chu đã dẫn lối lập nên điệu *khẩu trung*, *khẩu ngữ* như *khẩu ngữ* nhiều dấu chấm câu, phân đoạn trong câu, như ở dưới đây một lóp nhà văn như Nguyễn Bá Học, Phạm Duy Tốn, Nguyễn Trọng Thuật, H. Lê, Ngọc Phương... và các xuất của họ thật gần gũi câu văn xuôi của Tân Đà. Và tại đây, theo thời gian, người ta chế câu văn của Hoàng Tích Chu là « *cực tốc* », « *lực cấp* »...

Văn xuôi nghệ thuật Tân Đà là *khẩu trung* gồm *nội liên văn bản ngẫu truyện* thống với văn xuôi nghệ thuật của Nguyễn Văn, của Nguyễn Công Hoan.



« *Cái lớn của một nhà thơ là khả năng tư mình biến thành đối tượng mà mình biểu hiện* » (1). Ở văn xuôi của mình Tân Đà là một người như thế. Trong thơ của mình ông càng xứng đáng như thế. Thơ góp được nhiều tính điệu của thơ ca phương Đông và thơ ca dân tộc, bao gồm cả thơ ca dân gian ở nông thôn và thành thị. Tân Đà đã tổ chức, làm tròn đầy cái tồn tại tinh của ông. Tân Đà biết sử dụng nhịp điệu gấp gáp, câu thơ ngắn khi nó mang bầu tâm lý nuơn vỗ và hưởng thụ thú vui tràn trề, rồi bỗng câu thơ được mở rộng ra, khiến người đọc phải chú ý đến « triết lý » của nhà thơ về một sự sung sướng chung thường:

Nổi đầu một buổi
 Như đuổi xuân đi,
 Màng ngọc có lun,
 Đâu ta có thì
 Chơi đi thôi,
 Chơi đi thôi!
 Cho trống thùng
 Cho cười giọng,
 Cho cờ quạt ngợng,
 Kéo cái ghế ngồi, và nó thì l'eo sau!

(Chơi xuân kéo hết xuân đi)

Nhưng cái tôi của Tân Đà — cái tôi đa tình, mơ màng, hơn là nông nghênh hách thức — thích hợp với nhịp điệu nhồn nhồn, yên chuyên của trật tự thời

(1) Johannes R. Bekker, nhà thơ Đức.

gian, giai điệu trầm bổng, tạo được cảm giác mệnh mang, cao rộng, men mác thể hiện trong những câu thơ và văn thơ của *từ khúc, ca trù*, đặc biệt là *phong thi* — ca dao của Tản Đà. Ở đây thi sĩ k ai khác được tác động tương hỗ đặc biệt giữa hình thức câu thơ và những đặc điểm của văn thơ. Ở những bài thơ của Tản Đà câu thơ và văn thơ của từ khúc kết hợp được với câu thơ và văn thơ lục bát, thi hiệu quả tinh cảm — nghệ thuật được gia cường rõ rệt. Hãy đọc bài *Cảm thu tiễn thu*:

Từ vào thu đến nay:

Gió thu hiu hắt,

Sương thu lạnh,

Trăng thu bạch,

Khói thu xây thành,

Lá thu rơi rụng đầu ghềnh,

Sóng thu đưa lá bao ngách biệt ly,

Nhạn về, én lại bay đi,

Đêm thì vượn hốt, ngày thì ve ngâm,

Lá sen tàn tạ trong đầm,

Nặng mang gọi lỵ heo t. heo khốe hoa

Số đầu nhậu ở quán hủ,

Cỏ vàng, cây đỏ, bóng tà, tà dương,

Nào người cố lý, tha hương,

Cảm thu ai có tư tưởng? hỏi ai!

Tản Đà chú ý tận dụng nhạc điệu của lời — nhạc điệu êm ái, đằm thắm. Dòng lời ở thơ ông gìn giữ được những mối liên hệ cú pháp vốn có của tiếng Việt — ngôn ngữ cho phép dùng một cách thích hợp không chỉ *biểu cảm của từ riêng lẻ*, tức là từ có khả năng nói lên đầy đủ hiện tượng được mô tả, mà còn tạo điều kiện nắm bắt những *tổ hợp từ điển* mà cái ý tưởng được gọi lên bởi hiện tượng này hoặc hiện tượng khác của cuộc sống — xã hội: *San ha nước non, mây nước, trời mây, trời đất, tiền cảnh trần ai, đá mòn rêu nhạt, nước chảy huê trôi...*

Tất cả những điều trên làm hiện ra *bức chân dung nội tâm của nhà thơ*.

Tôn trọng và bảo vệ được cái đường bệ, u nhã của thơ luật Đường, cái tinh nghịch, tinh tú, duyên dáng của ca dao, dân ca, *cách cảm, cách nghĩ của người Việt* thơ Tản Đà mở cánh cửa đi vào lòng đồng bào người đọc, người nghe đương thời. Và, với những câu thơ như

— Mả xanh còn dấu còn cam,

Suối vàng lạnh lẽo có nằm với ai?

(*Tế Chiêu quàn* — Nguyễn văn chữ Hán

Nguyễn Thiệu Kế dịch)

— Tài cao phận thấp, chí khí uất,

Giương hô mà chửi, quen què hương?

(*Thăm mả cũ bên đòng*),

— Trong đầm gì đẹp hơn sen,

Một đóa kia kìa nở trước tiên,

Mặt nước, chân trời, thân gái lạ,

Đại xanh, cánh trắng, nhị vàng chen.
Xôn xao bay rối dần con bướm.
Đứng đình chơi xa một chiếc thuyền.
Đã trót bỏ hàng khôn khép lại,
Lại còn e nói chị em ghen.

(Hoa sen nở trước nhất đằm)

Tân Đà đã đọc những lỗ thủng trên bề mặt phẳng lặng, yên ả nguyên lành của quan niệm cũ về cái đẹp. Bằng những lỗ thủng ấy, Tân Đà nối liền các nhà thơ trong quá khứ — Nguyễn Du, Hồ Xuân Hương, Phạm Thái, Cao Bá Quát, Nguyễn Công Trứ — với các nhà thơ mới lãng mạn chủ nghĩa — Xuân Diệu, Huy Cận, Thế Lữ, Lưu Trọng Lư, Chế Lan Viên... và ở thế sinh, người ta sẽ thấy rõ chúng tôi không phải là những quái thú của thơ mới, những đura thất cước không có liều lạc gì với quá khứ của giống nòi. Tác giả *Thi nhân Việt Nam* — Hoài Thanh và Hoài Chân — đã viết thế, chính là vì vậy!

Tuy nhiên lối tư duy trực giác, lối mô tả thế giới theo trật tự của bước đi thời gian, của cảm giác, lối sáng tạo nghệ thuật theo cách lấy hoặc bỏ những cái có sẵn trong vốn văn hóa của thi nhân... đã làm Tân Đà khác biệt với các nhà thơ mới lãng mạn chủ nghĩa. Hãy so sánh đoạn trích *Cảm thu tiền thu ở trên* với *Tiếng thu* của Lưu Trọng Lư:

Em không nghe mùa thu,
Dưới trăng mờ thồn thừ?
Em không nghe rạo rục
Hình ảnh kẻ chinh phu
Trong lòng người cô phụ?
Em không nghe rừng thu,
Lá thu kêu xào xạc,
Con nai vàng ngơ ngác
Đạp trên lá vàng khô?

Tân Đà đã chia sẻ một nỗi khát vọng thiết tha, nỗi khát vọng thoát ly ra ngoài cái tù túng, cái giá dối, cái khô khan của khuynh hướng (1) với các nhà thơ mới lãng mạn chủ nghĩa. Nhưng ông «không mang lối y phục, lối tư tưởng» (2) của các nhà thơ ấy — những người

Say thơ xa lạ,
Khinh rẻ khuôn mồm, bỏ lời quen

(Xuân Diệu: *Tình trai*)

Hãy đọc ba bài thơ lục bát kiểu «rạo rục» của Tân Đà, Xuân Diệu và Huy Cận:

1. Suối tuôn róc rách ngang đèo,
Gió thu bay la, bóng chiều về tày.

(1) (2) Hoài Thanh và Hoài Chân. *Thi nhân Việt Nam*.

Chung quanh những đũa cùng cây,
Biết người tri lý đâu đây mà tìm?
Hỏi thăm những cá cùng chim,
Chim bay xa bóng, cá chìm biệt tâm!
Bay giờ vắng mặt tri âm,
Lẽ ai là kẻ đồng hành với mình
Nước non vắng khách hữu tình,
Non xanh nước biếc cho mình nhớ ai!

(Tân Đà: Vô đề)

2. Hôm nay, trời th - lều cao
Tôi buồn, không hiểu vì sao tôi buồn...
Lá hồng rơi lẳng ngổ thôn,
Sương trinh rơi kín từ nguồn yêu thương,
Phát phơ hồn của bóng hương,
Trong hơi phiêu bạt còn vương máu hồng,
Nghe chừng gió nhớ qua sông,
F bên lau lách thuyền không vắng bờ,
— Không gian như có dây tơ,
Bước đi sẽ đứt, động hồ sẽ tiêu,
Êm êm chiều ngàn ngơ chiều,
Lòng không sao cả, hiu hiu khê buồn...

(Xuân Diệu: Chiều)

3. Đêm mưa làm nhớ không gian,
Lòng run thêm lạnh nỗi hàn bao la...
Tái nương nước giọt mái nhà,
Nghe trời nặng nặng, nghe ta buồn buồn,
Nghe đi rồi rạc trong hồn
Những đêm xa vắng đậm buồn lẻ loi...
Rơi rơi... dịu dịu rơi rơi...
Trăm muôn giọt nhẹ nói lời vu vơ...
Tương tư hương lạc, phương mờ...
Trở nghiêng gối mộng, hững hờ nằm nghe,
Gió về, lòng rộng không che,
Hôm nay hiu hắt bốn bề tâm tư...

(Muy Cận: Buồn đêm mưa)

Tân Đà đứng riêng một nhóm. Vô đề của ông vẫn nằm trong khuôn khổ *thơ tức cảnh truyền thống và phảng phất tình điệu của ca dao, dân ca*. Xuân Diệu, Huy Cận hợp thành một nhóm khác. *Chiều* và *Buồn đêm mưa* không phải là *cảm cảnh, sinh tình*. Hai câu đầu trong hai bài thơ của Xuân Diệu, Huy Cận như muốn làm người đọc lầm lẫn với *thể hính* trong ca dao, dân ca. Thực ra, ở hai bài thơ ấy *cái buồn không hiểu vì sao* của Xuân Diệu và *cái sầu từ vạn kỷ* của Huy Cận đã hóa hợp đến tận cùng với thiên nhiên, tạo vật. Hai thi sĩ *đều chiêm lnh* thiên nhiên,

(Xem tiếp trang 61)